

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH T**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 98/2021/HNGĐ - ST
Ngày: 13 - 4 - 2021
V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH T

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lưu Minh Sửu

Ông Trịnh Văn Thọ

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Lê Diệu Linh. Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện T.

Ngày 13 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 06/2021/TLST/HNGĐ ngày 07 tháng 01 năm 2021 về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2021/QĐXXST- HNGĐ ngày 08 tháng 3 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 12/2021/QĐHPT- ST ngày 26 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị L ; Sinh năm 1997. Có mặt.

Địa chỉ: Thôn D , phường C , thành phố P , tỉnh H

2. Bị đơn: Anh Trịnh Đình H ; Sinh năm 1994. Vắng mặt

Nơi ĐKKHKT: Thôn 13, xã T , huyện T , tỉnh T

Hiện nay đã bị Tòa án nhân dân huyện T tuyên bố là người mất tích theo Quyết định số 45/2020/QĐST - DS ngày 02/12/2020.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, tại bản tự khai và tại phiên tòa, Nguyên đơn là chị Nguyễn Thị L trình bày:

Về hôn nhân: Chị L và anh Trịnh Đình H tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn vào ngày 23/9/2015 tại UBND phường C , thành phố P , tỉnh H . Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được 02 năm thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do không hợp nhau. Tháng 12/2017 mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, anh H đã bỏ đi đâu không xác định được địa chỉ. Chị L và gia đình, bạn bè tìm kiếm khắp nơi nhưng vẫn không có tin tức gì của anh H nên chị L yêu cầu Tòa án nhân dân huyện T tuyên bố anh Trịnh Đình H là người mất tích. Tại Quyết định số 45/2020/QĐST-DS ngày 02/12/2020 của Tòa án nhân dân huyện T đã

tuyên bố anh Trịnh Đình H là người mất tích. Kể từ ngày Tòa án tuyên bố anh H là người mất tích đến nay anh H vẫn không trở về địa phương. Vợ chồng đã sống ly thân và cắt đứt mọi quan hệ tình cảm từ năm 2017 đến nay. Nay chị L nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu được ly hôn với anh Trịnh Đình H.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Trịnh Đình Anh D, sinh ngày 12/10/2014. Hiện nay con chung đang ở với chị L. Chị L có nguyện vọng được nuôi con chung và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Bị đơn là anh Trịnh Đình H đã bị Tòa án nhân dân huyện T tuyên bố là người mất tích. Tòa án nhân dân huyện T đã niêm yết công khai các văn bản tố tụng theo đúng quy định pháp luật. Tại phiên tòa hôm nay bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt. Vì vậy HĐXX căn cứ vào điểm b khoản 2 điều 227 và khoản 3 điều 228 xét xử vắng mặt bị đơn.

[2]. Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị L và anh Trịnh Đình H là hôn nhân hợp pháp tại vì anh chị đã đăng ký kết hôn theo đúng quy định pháp luật. Sau khi cưới anh chị chung sống được 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Tháng 12/2017 anh H đã bỏ đi khỏi địa phương không rõ địa chỉ và vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Chị L đã yêu cầu Tòa án tuyên bố anh H là người mất tích. Tại Quyết định số 45/2020/QĐST-DS ngày 02/12/2020, Tòa án nhân dân huyện T đã tuyên bố anh Trịnh Đình H là người mất tích. Từ ngày Tòa án tuyên bố anh H là người mất tích đến nay anh H vẫn không có tin tức gì, Chị L nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy cuộc hôn nhân của anh chị không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào khoản 2 điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị Nguyễn Thị L ly hôn với anh Trịnh Đình H là phù hợp.

[3]. Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Trịnh Đình Anh D, sinh ngày 12/10/2014. Hiện nay con chung đang ở với chị L. Nay chị L yêu cầu được nuôi con chung và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung. HĐXX xét thấy kể từ ngày anh H bỏ đi, chị L đã nuôi dưỡng con chung có cuộc sống và học tập ổn định nên HĐXX căn cứ vào các điều 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của chị Loan, giao con chung cho chị Loan tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục và anh H không cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp. Anh H được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

[4] Tài sản chung của vợ chồng không yêu cầu nên không xem xét.

[5]. Về án phí: Chị L phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tố tụng: Căn cứ vào khoản 3 điều 228; Điểm b khoản 2 điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt Bị đơn là anh Trịnh Đình H .

2. Về hôn nhân: Căn cứ vào khoản 2 điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình;

Xử lý hôn giữa chị Nguyễn Thị L và anh Trịnh Đình H .

3. Về con chung: Căn cứ vào các điều 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Giao con chung chung là cháu Trịnh Đình Anh D , sinh ngày 12/10/2014 cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh Trịnh Đình H không cấp dưỡng nuôi con chung. Anh Trịnh Đình H được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

4. Về án phí: Căn cứ khoản 4 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH;

Buộc chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000đ án phí DSST nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai thu số: AA/2019/0006306 ngày 07/01/2021 của Chi cục Thi hành án huyện T .

Chị Nguyễn Thị L được quyền kháng cáo án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Anh Trịnh Đình H được quyền kháng cáo án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát ND huyện Thọ Xuân
- Các DS
- UBND phường C, thành phố P, tỉnh H
- Thi hành án DS huyện T
- Lưu HS vụ án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Hằng